

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện máy (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Hùng Thắng	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó chủ tịch
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên
Bà Trần Lệ Nam	Thành viên
Bà Đào Minh Hòa	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)

Ban Kiểm soát

Bà Đặng Minh Thu	Trưởng ban
Bà Đào Thị Minh Hòa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)
Ông Đinh Tiến Long	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)
Ông Nguyễn Duy Triệu	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Lệ Nam	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Trung - Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Văn Trung

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Số: 032402/2022/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện máy

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Điện máy (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 03 năm 2022, từ trang 6 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Một số khoản công nợ tồn đọng, không có khả năng thu hồi đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 vẫn chưa được xử lý và trích lập dự phòng, bao gồm các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng với tổng số tiền 1.184.000.000 đồng, các khoản phải thu ngắn hạn khác với tổng số tiền là 16.095.250.877 đồng, trả trước cho người bán 34.959.250 đồng. Nếu xử lý và trích lập dự phòng các khoản công nợ này thì chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 sẽ giảm 17.314.210.127 đồng.

Một số khoản chi phí tồn đọng nhiều năm đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2021 vẫn chưa được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do không có đủ hồ sơ, chứng từ kế toán, bao gồm chi phí xây dựng cơ bản dở dang số tiền 2.421.476.947 đồng và chi phí trả trước ngắn hạn số tiền 252.833.407 đồng.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (Tiếp theo)

Công ty đang ghi nhận tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của 3 thửa đất tại 163 Đại La; 52 Ngọc Lâm và 76 Ngọc Lâm tương ứng với khoản tiền sử dụng đất phải nộp theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa là 140.074.320.000 đồng. Tuy nhiên, giá trị của các tài sản và công nợ này chưa được cơ quan có thẩm quyền nào xác nhận. Công ty đang ghi nhận vào khoản mục "Tài sản cố định vô hình" trong khi chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do ảnh hưởng của vấn đề pháp lý nêu trên, chúng tôi chưa có cơ sở để xác định tính pháp lý và giá trị của quyền sử dụng đất cũng như tiền sử dụng đất phải nộp. Vì vậy, chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty chưa xác định và ghi nhận chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 1 trong khi chưa có thỏa thuận xóa nợ lãi vay vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Bằng các thủ tục kiểm toán thay thế, chúng tôi không xác định được số chi phí lãi vay cần phải ghi nhận. Chính vì vậy, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả liên quan đến khu đất Công ty góp vào công ty liên doanh trước thời điểm cổ phần hóa bao gồm: Tiền đền bù giải phóng mặt bằng và thưởng tiền độ bàn giao số 42 ngõ 67 phố Đức Giang trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác với số tiền 2.936.223.154 đồng; tiền thuê nhà đất, tiền thuê đất liên quan đến việc góp vốn vào liên doanh trên khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước với số tiền 4.104.880.637 đồng; Tiền thuê đất dự kiến phải trả trên phần đất Công ty TNHH Quốc tế SHINIL - TODIMAX bàn giao cho Công ty sử dụng với số tiền là 1.856.000.000 đồng. Tuy nhiên, chúng tôi không thu thập được các biên bản xác nhận công nợ có liên quan. Chính vì vậy, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện máy tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.



Nguyễn Hoàng Giang
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0997-2021-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

A handwritten signature in blue ink, appearing to read "Lê Quốc Anh".

Lê Quốc Anh
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3384-2020-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		61.178.543.221	57.978.539.731
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.179.807.926	1.787.702.620
1. Tiền	111		1.179.807.926	1.787.702.620
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24.690.040.993	21.000.040.993
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.4	40.993	40.993
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	24.690.000.000	21.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		34.898.690.657	34.209.890.668
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	16.811.971.599	17.786.951.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.685.515.615	428.054.587
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	16.951.274.042	16.544.955.462
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(550.070.599)	(550.070.599)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		410.003.645	980.905.450
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	254.912.951	295.449.435
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		443.182	42.616.739
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9a	154.647.512	642.839.276
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		174.544.518.149	175.698.655.291
I. Tài sản cố định	220		170.846.556.172	171.681.048.026
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	29.749.424.602	30.572.228.960
- Nguyên giá	222		80.106.713.307	78.013.565.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.357.288.705)	(47.441.336.899)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	141.097.131.570	141.108.819.066
- Nguyên giá	228		141.179.918.000	141.179.918.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(82.786.430)	(71.098.934)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.432.209.432	2.421.476.947
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8	2.432.209.432	2.421.476.947
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.5	2.954.369.983	2.954.369.983
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.954.369.983)	(2.954.369.983)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		1.265.752.545	1.596.130.318
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.265.752.545	1.596.130.318
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		235.723.061.370	233.677.195.022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

C. NỢ PHẢI TRẢ	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		157.454.754.747	156.877.211.831
I. Nợ ngắn hạn	310		157.171.754.747	156.531.411.831
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		14.520.000	19.845.379
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		13.245.683	371.025.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9b	144.721.714.038	144.505.887.137
4. Phải trả người lao động	314		164.187.500	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	3.604.548.181	1.468.000.000
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.14	547.742.255	710.251.944
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	4.041.884.590	4.105.294.871
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	4.063.912.500	5.068.107.500
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	283.000.000
II. Nợ dài hạn	330		283.000.000	345.800.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	283.000.000	345.800.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		78.268.306.623	76.799.983.191
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	78.268.306.623	76.799.983.191
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		72.900.000.000	72.900.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.368.306.623	3.899.983.191
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		3.899.983.191	2.229.266.777
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.468.323.432	1.670.716.414
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		235.723.061.370	233.677.195.022

Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Phạm Thanh Tùng

Phạm Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		23.185.006.212	85.724.078.820
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	23.185.006.212	85.724.078.820
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	10.635.931.061	72.124.920.684
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.549.075.151	13.599.158.136
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.442.654.548	1.319.862.279
7. Chi phí tài chính	22		-	339.718.166
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	339.725.254
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	12.496.480.409	15.464.211.228
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.495.249.290	(884.908.979)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	414.007.116	5.462.340.429
12. Chi phí khác	32	VI.6	124.033.733	2.558.155.686
13. Lợi nhuận khác	40		289.973.383	2.904.184.743
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.785.222.673	2.019.275.764
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	316.899.241	348.559.350
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.468.323.432	1.670.716.414
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	201	229

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Phạm Thanh Tùng

Phạm Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01	23.694.116.934	75.601.125.942
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(4.156.397.770)	(63.225.286.407)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(5.958.590.000)	(7.643.184.117)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	-	(339.725.254)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(116.000.000)	(778.101.848)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	3.610.513.692	17.840.635.535
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(12.266.185.527)	(25.685.986.152)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.807.457.329	(4.230.522.301)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.631.395.144)	(612.420.998)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	5.223.176.793
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.370.000.000)	(49.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị	24	41.680.000.000	48.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	910.238.121	1.377.270.026
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.411.157.023)	4.988.025.821
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	21.001.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.004.195.000)	(21.983.526.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.004.195.000)	(982.526.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(607.894.694)	(225.022.480)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	1.787.702.620	2.012.725.100
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	1.179.807.926	1.787.702.620

Hương

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Phạm Thanh Tùng

Phạm Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện máy (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty TNHH MTV Điện máy sang hình thức Công ty Cổ phần theo Quyết định số 3247/QĐ-BTC ngày 12 tháng 06 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100108871, đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Công ty tại 163 Đại La, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam.

2. Vốn điều lệ của Công ty

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 72.900.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 72.900.000.000 đồng, tương đương 7.290.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

3. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ cho thuê cơ sở hạ tầng.

4. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn hạt nhựa công nghiệp, ống tôn, thép và vật liệu kim loại khác; và
- Cho thuê kho bãi, nhà cửa, cơ sở hạ tầng và tài sản khác.

5. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Văn phòng Công ty	163 Đại La, Hà Nội	Buôn bán hạt nhựa, nông sản và cho thuê mặt bằng
Trung tâm Kinh doanh Xe đạp, Xe máy (Đã sáp nhập Xí nghiệp Sản xuất và Kinh doanh hàng Điện máy từ ngày 01/07/2021)	76 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	Cho thuê mặt bằng
Xí nghiệp Điện máy Đức Giang	71 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	Cho thuê mặt bằng
Xí nghiệp Sản xuất và Kinh doanh hàng Điện máy	52 Ngọc Lâm, Long Biên, Hà Nội	Cho thuê mặt bằng
Chi nhánh Hà Nam Ninh (dừng kinh doanh chờ giải thể từ 01/01/2019)	213 Quang Trung, Thành phố Nam Định	
Trung tâm kho Đức Giang (Sáp nhập vào Xí nghiệp Điện máy Đức Giang từ 01/01/2016)	Ngõ 67 Phố Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	
(dừng kinh doanh chờ giải thể từ 01/01/2016)	Phường Phạm Ngũ Lão, thành phố Hồ Chí Minh	
Trung tâm điện máy 92 Hai Bà Trưng (dừng kinh doanh từ 01/01/2018 sáp nhập về Văn phòng Công ty)	92 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

8. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 56 lao động dài hạn (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 63 lao động dài hạn).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật) (chỉ để cập nhật với công ty nhà nước).

Các khoản đầu tư công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa và vật kiến trúc	03 - 35
Máy móc và thiết bị	04 - 15
Phương tiện vận tải	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy vi tính. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao là 08 năm.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các khoản chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế thương mại, chi phí sửa chữa nhà xưởng và giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Lợi thế thương mại phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không qui định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Tiếp theo)

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	324.967.674	733.423.484
Tiền gửi ngân hàng	854.840.252	1.054.279.136
Cộng	1.179.807.926	1.787.702.620

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	-	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hai Bà Trưng	24.690.000.000	10.000.000.000
Cộng	24.690.000.000	21.000.000.000

(i) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng và 9 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hai Bà Trưng với tổng số tiền là 24.690.000.000 đồng, lãi suất từ 6,1%/năm đến 6,4%/ năm.

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Quốc tế Song Hỷ Gia Lai	14.980.000.000	16.025.534.819
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	1.184.000.000	1.184.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gấu Trúc	378.623.100	378.623.100
Phải thu ngắn hạn các khách hàng khác	269.348.499	198.793.299
Cộng	16.811.971.599	17.786.951.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	Số cuối năm			Số đầu năm				
	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND	Số lượng cổ phần	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý (*) VND	Dự phòng VND
Cổ phiếu BSI	5	40.993	212.000	-	5	40.993	62.250	-
Cổ phiếu TVS	3	-	181.500	-	3	-	43.650	-
Cộng		40.993	393.500	-		40.993	105.900	-

(*) Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được tính theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên Sở giao dịch Chứng khoán

5. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Quốc tế SHINIL - TODIMAX	2.954.369.983	(*)	(2.954.369.983)	2.954.369.983	(*)	(2.954.369.983)
Cộng	2.954.369.983		(2.954.369.983)	2.954.369.983		(2.954.369.983)

Công ty TNHH Quốc tế SHINIL - TODIMAX hoạt động kinh doanh điện máy tại Hà Nội đã chấm dứt hoạt động từ ngày 18 tháng 11 năm 2016 do hết thời gian hoạt động theo Giấy chứng nhận đầu tư thay đổi lần thứ 4 ngày 10 tháng 10 năm 2016 do UBND thành phố Hà Nội cấp. Ban Giám Đốc Công ty này đã có quyết định số 01/2016-QĐ-HDTC ngày 18 tháng 11 năm 2016 về kế hoạch giải thể Công ty. Giá trị dự phòng được xác định bằng phần chênh lệch giữa giá gốc và giá trị khoản đầu tư được xác định theo Vốn chủ sở hữu tại ngày 18 tháng 11 năm 2016 với tỷ lệ sở hữu của Công ty là 21,1%.

(*) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thuyết minh trong Báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu thuế TNCN	7.344.400	10.146.747
Phải thu về lãi tiền gửi	737.070.106	241.605.479
Tạm ứng	66.700.000	82.950.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	8.659	2.359
Phải thu khác về chi phí loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp	16.066.401.597	16.066.401.597
Phải thu khác	73.749.280	143.849.280
Cộng	16.951.274.042	16.544.955.462

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN/DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.079.544	11.678.027
Bắt nợ tiền hàng bằng nhà số 6 Lương Hữu Khánh	252.833.407	252.833.407
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	30.938.001
Cộng	254.912.951	295.449.435
b) Dài hạn		
Lợi thế thương mại	61.464.453	94.990.521
Chi phí sửa chữa lớn	1.155.595.330	1.339.487.719
Phí tư vấn thang bằng lương	-	60.754.156
Chi phí trả trước dài hạn khác	48.692.762	100.897.922
Cộng	1.265.752.545	1.596.130.318

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công trình nhà số 64 Lương Hữu Khánh	314.597.300	314.597.300
Công trình nhà văn phòng 52 Ngọc Lâm	1.487.916.888	1.487.916.888
San lấp ao lấy mặt bằng	589.164.879	589.164.879
Sửa chữa cửa hàng 29C Trường Chinh	29.797.880	29.797.880
Tư vấn, Thẩm tra thiết kế bản vẽ dự toán dự án cải tạo sửa chữa các kho công trình tại 75.42/67DG	10.732.485	-
Cộng	2.432.209.432	2.421.476.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số đầu năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	65.877.531	-	65.877.531
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	422.314.233	-	422.314.233
Các loại thuế khác (*)	154.647.512	-	-	154.647.512
Cộng	154.647.512	488.191.764	-	642.839.276
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	376.706.078	1.986.316.807	1.930.580.925	320.970.196
Thuế thu nhập doanh nghiệp	135.021.710	251.021.710	116.000.000	-
Thuế thu nhập cá nhân	10.729.400	43.964.400	43.381.747	10.146.747
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	4.130.067.293	8.189.103.859	8.163.917.203	4.104.880.637
Thuế môn bài	-	13.000.000	13.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.593.336	6.293.336	700.000
Các loại thuế khác (*)	140.069.189.557	-	-	140.069.189.557
Cộng	144.721.714.038	10.489.000.112	10.273.173.211	144.505.887.137

(*) Thuế khác: là tiền sử dụng đất phải nộp bổ sung cho Nhà nước đối với diện tích đất Công ty sở hữu theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	75.434.449.801	523.552.994	2.055.563.064	78.013.565.859
Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.093.147.448	-	-	2.093.147.448
Số cuối năm	77.527.597.249	523.552.994	2.055.563.064	80.106.713.307
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	45.917.636.623	350.401.746	1.173.298.530	47.441.336.899
Khấu hao trong năm	2.727.489.412	39.858.654	148.603.740	2.915.951.806
Số cuối năm	48.645.126.035	390.260.400	1.321.902.270	50.357.288.705
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	29.516.813.178	173.151.248	882.264.534	30.572.228.960
Số cuối năm	28.882.471.214	133.292.594	733.660.794	29.749.424.602

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 945.376.592 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 945.376.592 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	141.086.418.000	93.500.000	141.179.918.000
Số cuối năm	141.086.418.000	93.500.000	141.179.918.000
HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	-	71.098.934	71.098.934
Khấu hao trong năm	-	11.687.496	11.687.496
Số cuối năm	-	82.786.430	82.786.430
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	141.086.418.000	22.401.066	141.108.819.066
Số cuối năm	141.086.418.000	10.713.570	141.097.131.570

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí nâng cấp kho phải trả	1.748.548.181	-
Tiền thuế đất dự kiến phải trả trên phần đất Công ty góp vốn liên doanh	1.856.000.000	1.468.000.000
Cộng	3.604.548.181	1.468.000.000

13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	987.250.000	768.670.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.054.634.590	3.336.624.871
Cộng	4.041.884.590	4.105.294.871
b. Phải trả dài hạn khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	283.000.000	345.800.000
Cộng	283.000.000	345.800.000

14. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước cho thuê mặt bằng	547.742.255	710.251.944
Cộng	547.742.255	710.251.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng
	VND	trả nợ VND	VND	VND	VND	trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 1 (i)	4.063.912.500	4.063.912.500	-	1.004.195.000	5.068.107.500	5.068.107.500
Cộng	4.063.912.500	4.063.912.500	-	1.004.195.000	5.068.107.500	5.068.107.500

(i) Tại thời điểm cuối năm, số dư khoản vay ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch 1 là 176.500 USD đã quá hạn. Theo Công văn 2458/CV-CNHN của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam gửi đến Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội và Công ty Cổ phần Điện máy ngày 02 tháng 12 năm 2016, Ngân hàng chấp nhận cho Công ty Cổ phần Điện máy thanh toán trả nợ gốc vay 3.500 USD hàng tháng bắt đầu từ tháng 12 năm 2016.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2020	72.900.000.000	2.229.266.777	75.129.266.777
Lãi trong năm	-	1.670.716.414	1.670.716.414
Số dư tại ngày 31/12/2020	72.900.000.000	3.899.983.191	76.799.983.191
Lãi trong năm	-	1.468.323.432	1.468.323.432
Số dư tại ngày 31/12/2021	72.900.000.000	5.368.306.623	78.268.306.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ	VND
Vốn nhà nước	84,31%	61.462.000.000	84,31%	61.462.000.000
Vốn góp của các cổ đông	15,69%	11.438.000.000	15,69%	11.438.000.000
Cộng	100%	72.900.000.000	100%	72.900.000.000

c. Cổ phiếu

	Năm nay Cổ phiếu	Năm trước Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.290.000	7.290.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.290.000	7.290.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.290.000	7.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.290.000	7.290.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.290.000	7.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. DOANH THU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.185.006.212	85.724.078.820
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu bán hàng hóa	-	61.510.423.139
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.185.006.212	24.213.655.681
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.185.006.212	85.724.078.820

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	60.735.440.000
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.635.931.061	11.389.480.684
Cộng	10.635.931.061	72.124.920.684

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.405.702.748	1.313.642.629
Lãi bán các khoản đầu tư	-	3.309.650
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.300	2.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.945.500	2.907.500
Cộng	1.442.654.548	1.319.862.279

4. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	6.829.262.450	9.073.377.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	381.801.434	380.710.152
Thuế, phí, lệ phí	979.855.382	996.266.674
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.500.185.198	2.727.646.776
Chi phí khác bằng tiền	1.805.375.945	2.286.209.659
Cộng	12.496.480.409	15.464.211.228

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền bồi thường giải phóng mặt bằng	-	5.223.176.793
Tiền đền bù ảnh hưởng kết cấu	281.990.281	-
Thưởng tiến độ bàn giao mặt bằng	74.435.000	-
Thu nhập khác	57.581.835	239.163.636
Cộng	414.007.116	5.462.340.429

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị còn lại của TSCĐ giải phóng mặt bằng	-	2.533.902.921
Chi phí phá dỡ văn phòng	95.440.397	-
Tiền phạt hành chính thuế	28.593.336	933.880
Các khoản chi phí khác	-	23.318.885
Cộng	124.033.733	2.558.155.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng thu nhập trước thuế TNDN	1.785.222.673	2.019.275.764
Các khoản điều chỉnh tăng	478.343.336	470.433.880
Cộng: Chi phí không được trừ	478.343.336	470.433.880
+ Chi phí không hợp lệ	449.750.000	469.500.000
+ Các khoản phạt	28.593.336	933.880
Thu nhập tính thuế	2.263.566.009	2.489.709.644
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp	452.713.202	497.941.929
Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP	-	(149.382.579)
Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định 92/2021/NĐ-CP	(135.813.961)	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	316.899.241	348.559.350

8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.468.323.432	1.670.716.414
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.468.323.432	1.670.716.414
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	7.290.000	7.290.000
Lãi cơ bản trên một cổ phiếu	201	229
Mệnh giá cổ phiếu (đồng/cổ phần)	10.000	10.000

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	6.829.262.450	9.073.377.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.927.639.302	3.036.814.722
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.500.185.198	2.727.646.776
Chi phí khác bằng tiền	10.875.324.520	12.015.852.447
Cộng	23.132.411.470	26.853.691.912

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, người quản lý được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thù lao Hội đồng Quản trị	132.000.000	132.000.000
Thù lao Ban kiểm soát	33.600.000	33.600.000
Lương, thưởng của người quản lý	1.448.200.000	1.536.950.000
Trong đó:		
+ Ông Nguyễn Văn Trung - Tổng Giám đốc	305.500.000	329.000.000
+ Ông Trần Văn Tuấn - Phó Tổng Giám đốc	209.300.000	225.400.000
+ Ông Trần Văn Sơn - Phó Tổng Giám đốc	209.300.000	225.400.000
+ Bà Trần Lệ Nam - Phó Tổng Giám đốc	209.300.000	225.400.000
+ Ông Nguyễn Ngọc Sơn - Phó Tổng Giám đốc	209.300.000	219.900.000
+ Ông Phạm Thanh Tùng - Kế toán trưởng	166.400.000	179.200.000
+ Bà Đặng Minh Thu - Trưởng Ban Kiểm soát	139.100.000	132.650.000
Cộng	1.613.800.000	1.702.550.000

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Thu Hương
Người lập
Hà Nội, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Phạm Thanh Tùng
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Trung
Tổng Giám đốc